TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1182/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 4 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 ỹ Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1065/2026/TLST-HNGĐ ngày 16/3/2026 về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1992

Căn cước công dân số: XXXXXXXXXXXX

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm A, thôn P, xã G, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ tạm trú: D, khu phố S, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Hoàng Kim S, sinh năm 1984

Căn cước công dân số: YYYYYYYYYYYY

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: D, khu phố S, phường M, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 18/02/2019 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Ủy ban nhân dân xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S là hợp pháp. Nay bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Căn cứ vào Giấy khai sinh số 67 ngày 31/7/2019 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã G, tỉnh Quảng Ngãi) cấp cho Hoàng Nguyễn An N, có cơ sở xác định Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S có một con chung tên Hoàng Nguyễn An N, sinh ngày 18/7/2019. Hai bên thỏa thuận giao con chung cho mẹ là bà D trực tiếp nuôi dưỡng, bà D tự nguyện không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S không có nợ chung.

[5] Xét thấy các đương sự thật sự tự nguyện ly hôn, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 14/4/2026, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 18/02/2019 do Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (nay là Ủy ban nhân dân xã X, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp cho bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S có một con chung tên Hoàng Nguyễn An N, sinh ngày 18/7/2019.

Giao con chung cho bà Nguyễn Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Mỹ D tự nguyện không yêu cầu ông Hoàng Kim S cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này, yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S chịu nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011716 ngày 09/02/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Mỹ D và ông Hoàng Kim S đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi thành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND TPHCM;
- VKSND KV5-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- UBND xã X, TPHCM;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VT.

THẨM PHÁN

Phạm Lê Ninh